



Bảng 3
BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO

3.1. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CHỨC DANH LÃNH ĐẠO	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẤP THỰC HIỆN từ 01/7/2026
1	Bộ trưởng	1,50	3.795.000
2	Tổng Tham mưu trưởng; Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị	1,40	3.542.000
3	Chủ nhiệm Tổng cục; Tư lệnh: Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Quân đoàn	1,25	3.162.500
4	Tư lệnh Binh chủng	1,10	2.783.000
5	Phó Tư lệnh Binh chủng	1,00	2.530.000
6	Sư đoàn trưởng	0,90	2.277.000
7	Lữ đoàn trưởng	0,80	2.024.000
8	Trung đoàn trưởng	0,70	1.771.000
9	Phó Trung đoàn trưởng	0,60	1.518.000
10	Tiểu đoàn trưởng	0,50	1.265.000
11	Phó Tiểu đoàn trưởng	0,40	1.012.000
12	Đại đội trưởng	0,30	759.000
13	Phó Đại đội trưởng	0,25	632.500
14	Trung đội trưởng	0,20	506.000

Ghi chú: Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo của các chức vụ, chức danh lãnh đạo khác của sĩ quan được xác định theo nguyên tắc tương đương với các chức vụ cơ bản của sĩ quan theo quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam sửa đổi, bổ sung năm 2024 và các quy định hiện hành của Chính phủ và Bộ Quốc phòng.

3.2. BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ YẾU

Đơn vị tính: Đồng

SỐ TT	CHỨC DANH LÃNH ĐẠO	HỆ SỐ	MỨC PHỤ CẤP THỰC HIỆN từ 01/7/2026
1	Trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,30	3.289.000
2	Phó trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,10	2.783.000
3	Cục trưởng, Vụ trưởng, Chánh Văn phòng và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,90	2.277.000
4	Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,70	1.771.000
5	Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,50	1.265.000
6	Phó Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,40	1.012.000
7	Trưởng ban hoặc Đội trưởng cơ yếu đơn vị và tương đương của các tổ chức thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ	0,20	506.000

